

TOP 10- HỌC SINH CÓ ĐIỂM TRUNG BÌNH TỐT NGHIỆP CAO NHẤT																
Số thứ tự	Lớp 12	Họ và tên	Giới tính	Điểm số các bài thi									Điểm TB lớp 12	Điểm KK	Trung bình điểm tổ hợp	Điểm TN
				Toán	Ngữ văn	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GD CD	Ngoại ngữ				
1	12A1	NGUYỄN THỊ QUỲ	Nữ	9.2	8.25	8	8.5	7.5				9.8	9.6	3	8	9.57
2	12A10	NGUYỄN TRÂM ANH	Nữ	8.2	8.5				8.75	8	9.75	9.8	9.5	2.5	8.83	9.47
3	12A1	TẠ NGUYỄN HỮU VINH	Nam	9.2	7.75	8.5	9	7				9.2	9.6	2.5	8.17	9.32
4	12A10	TRẦN THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	7.8	7.75				7.25	8	9	9.2	9	1.5	8.08	8.71
5	12A8	NGUYỄN MINH QUANG	Nam	8.2	7	7.5	6	7.25				10	8.6	2.5	6.92	8.64
6	12A13	LƯU HUỖNH BẢO NHƯ	Nữ	7.6	8				7	8	10	9.2	8.7	1	8.33	8.58
7	12A8	VŨ MINH ANH	Nữ	8.6	8.75	7	6.75	5.5				8.2	8.9	1.5	6.42	8.53
8	12A5	NGUYỄN THỊ THỦY DUYÊN	Nữ	7.4	8.5	6.25	8.25	5.75				9.2	8.9	1.5	6.75	8.51
9	12A1	TRẦN NGUYỄN BẢO NHI	Nữ	8.8	6.75	6.25	7.25	6				9.8	8.8	1.5	6.5	8.48
10	12A3	PHẠM UYÊN NHI	Nữ	8.2	6.25	6.5	8.75	8.5				9.2	8.9	1.5	7.92	8.46

A00- TOÁN- LÝ- HÓA												
Số thứ tự	Lớp 12	Họ và tên	Điểm số các bài thi									Tổng
			Toán	Ngữ văn	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GD CD	Ngoại ngữ	
1	12A1	TẠ NGUYỄN HỮU VINH	9.2	7.75	8.5	9	7				9.2	26.70
2	12A1	NGUYỄN THỊ QUỲ	9.2	8.25	8	8.5	7.5				9.8	25.70
3	12A5	ĐẶNG NGUYỄN NGỌC ĐỨC	8.8	4.5	8.5	8.25	8.25				9.2	25.55
4	12A2	VÕ ANH KHOA	8.8	7.5	8.25	8	3.75				8.4	25.05
5	12A5	TRẦN HỒ UYÊN NHI	8	6.75	8.25	8.5	4				7.2	24.75
6	12A3	LÊ ĐỨC HUY	8.2	7.25	7.25	8.75	7				7.2	24.20
7	12A2	HUỖNH THỊ THANH VY	8.4	6.75	8.25	7.5	4.25				7.8	24.15
8	12A1	HUỖNH TÂM ĐOAN	8.4	7.5	7.25	8.25	6.75				8	23.90
9	12A5	BÙI NGUYỄN VINH HIẾN	8.4	6.5	8	7.25	6.25				5.4	23.65
10	12A7	NGUYỄN BÁ MINH TRIẾT	7.8	4.5	8.25	7.5	6.25				6.2	23.55

A01- TOÁN- LÝ -ANH												
Số thứ tự	Lớp 12	Họ và tên	Điểm số các bài thi									Tổng
			Toán	Ngữ văn	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GD CD	Ngoại ngữ	
1	12A1	NGUYỄN THỊ QUỲ	9.2	8.25	8	8.5	7.5				9.8	27.00
2	12A1	TẠ NGUYỄN HỮU VINH	9.2	7.75	8.5	9	7				9.2	26.90
3	12A5	ĐẶNG NGUYỄN NGỌC ĐỨC	8.8	4.5	8.5	8.25	8.25				9.2	26.50
4	12A8	NGUYỄN MINH QUANG	8.2	7	7.5	6	7.25				10	25.70
5	12A2	VÕ NGUYỄN MINH PHÁT	8.6	6.25	7.75	7	5.75				9.2	25.55
6	12A2	VÕ ANH KHOA	8.8	7.5	8.25	8	3.75				8.4	25.45
7	12A3	TRẦN BẢO THIÊN	7.8	7	7.75	7.25	6.75				9.8	25.35
8	12A5	VÕ HỒ NGỌC TRÂM	8	7	7.75	7.75	6.75				9.2	24.95
9	12A1	TRẦN NGUYỄN BẢO NHI	8.8	6.75	6.25	7.25	6				9.8	24.85
10	12A6	NGUYỄN MINH ĐẠT	8.4	7.25	7.5	7	6.5				8.8	24.70

D01- TOÁN- VĂN-ANH												
Số thứ tự	Lớp 12	Họ và tên	Điểm số các bài thi									Tổng
			Toán	Ngữ văn	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GD CD	Ngoại ngữ	
1	12A1	NGUYỄN THỊ QUỲ	9.2	8.25	8	8.5	7.5				9.8	27.25
2	12A10	NGUYỄN TRÂM ANH	8.2	8.5				8.75	8	9.8	9.8	26.50
3	12A1	TẠ NGUYỄN HỮU VINH	9.2	7.75	8.5	9	7				9.2	26.15
4	12A1	ĐOÀN HUỲNH THUYỀN	8.2	8.5	5.25	6	5.5				9.2	25.90
5	12A8	NGÔ BẢO NGHI	8.2	8.25	6	4.25	6.75				9.4	25.85
6	12A8	VŨ MINH ANH	8.6	8.75	7	6.75	5.5				8.2	25.55
7	12A1	TRẦN NGUYỄN BẢO NHI	8.8	6.75	6.25	7.25	6				9.8	25.35
8	12A12	NGUYỄN NGỌC BẢO TRÂN	8.4	7.75				5.75	7	9.3	9.2	25.35
9	12A8	NGUYỄN MINH QUANG	8.2	7	7.5	6	7.25				10	25.20
10	12A5	NGUYỄN THỊ THÙY DUYÊN	7.4	8.5	6.25	8.25	5.75				9.2	25.10

B00- TOÁN- HÓA- SINH												
Số thứ tự	Lớp 12	Họ và tên	Điểm số các bài thi									Tổng
			Toán	Ngữ văn	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GD CD	Ngoại ngữ	
1	12A3	PHẠM UYÊN NHI	8.2	6.25	6.5	8.75	8.5				9.2	25.45
2	12A5	ĐẶNG NGUYỄN NGỌC ĐỨC	8.8	4.5	8.5	8.25	8.25				9.2	25.30
3	12A1	NGUYỄN THỊ QUỲ	9.2	8.25	8	8.5	7.5				9.8	25.20
4	12A1	TẠ NGUYỄN HỮU VINH	9.2	7.75	8.5	9	7				9.2	25.20
5	12A1	LÊ NGỌC ANH	8.6	6.75	6.5	8.25	7.75				8.8	24.60
6	12A3	LÊ ĐỨC HUY	8.2	7.25	7.25	8.75	7				7.2	23.95
7	12A2	TỪ NGỌC MINH NGUYỄN	8.6	6.5	6	7.25	7.75				8	23.60
8	12A1	HUỲNH TÂM ĐOAN	8.4	7.5	7.25	8.25	6.75				8	23.40
9	12A7	PHẠM PHÚ SANG	7.4	7.75	7.5	8	8				6.6	23.40
10	12A5	ĐỖ ĐĂNG KHOA	8	7	7	7.75	7.5				9	23.25

C00- VĂN- SỬ ĐỊA												
Số thứ tự	Lớp 12	Họ và tên	Điểm số các bài thi									Tổng
			Toán	Ngữ văn	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GD CD	Ngoại ngữ	
1	12A9	ĐẶNG NGUYỄN ANH DUY	6.8	8.25				8.75	9.5	8.8	6.6	26.50
2	12A10	NGUYỄN TRÂM ANH	8.2	8.5				8.75	8	9.8	9.8	25.25
3	12A9	NGUYỄN LÊ ANH TÚ	7.2	7				8.5	9	7.3	5.2	24.50
4	12A14	NGUYỄN VÕ THÚY VY	6.4	7				8.75	8.25	9.3	7.8	24.00
5	12A10	TRẦN THỊ PHƯƠNG ANH	7.8	7.75				7.25	8	9	9.2	23.00
6	12A13	LƯU HUỲNH BẢO NHƯ	7.6	8				7	8	10	9.2	23.00
7	12A11	LƯƠNG HOÀNG ANH THƯ	7.8	7.25				7.5	8	9.5	8	22.75
8	12A13	LÝ PHAN TRỌNG ĐÀI	5.2	7.75				7.75	7.25	9	3.6	22.75
9	12A10	NGUYỄN HOÀNG THỦY QUYÊN	7.2	7.25				7	8.25	9.8	8.6	22.50
10	12A11	CHÂU LÊ HOÀNG OANH	5.2	7.25				7.5	7.5	8.8	9	22.25